

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HC-PT

Ngày 20/02/2024.

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán:

ông Nguyễn Tấn Long

ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Duy Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: ông Quách Hoà Bình, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 309/2023/TLPT-HC ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Trần Thị H; địa chỉ: khu phố C, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông Nguyễn Đình H1 - Luật sư Công ty L1, Đoàn Luật sư tỉnh T. Có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: ông Phạm Văn D - Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ (văn bản uỷ quyền số 1372/QĐ-UBND ngày 28/7/2023). Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: bà Nguyễn Thị Ái V - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ và bà

Phạm Thị Hồng O - Trưởng phòng Phòng Tư pháp thành phố Đ (văn bản số 1373/QĐ-UBND và số 1374 ngày 28/7/2023). Bà V và bà O đều có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân phường Đ; địa chỉ: phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Viết L - Quyền Chủ tịch UBND phường Đ. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền:

+ Bà Lê Thị T - công chức Địa chính - Xây dựng UBND phường Đ (văn bản uỷ quyền số 220/QĐ-UBND ngày 09/8/2023). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Trần Công T1 - công chức Tư pháp hộ tịch UBND phường Đông Lễ (theo văn bản uỷ quyền số 242/QĐ-UBND ngày 31/8/2023). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Hợp tác xã P1; địa chỉ: khu phố P, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị do ông Trương Văn H2 - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc HTX P1 làm đại diện. Vắng mặt.

- Ông Trương Thanh P (đại diện hộ gia đình bà Nguyễn Thị T2); địa chỉ: khu phố P, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị T3 (đại diện hộ gia đình bà Trần Thị T3); địa chỉ: khu phố P, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Bà Trương Thị H3 (đại diện hộ gia đình ông Trương Đức Đ); địa chỉ: khu phố P, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Ông Trương Văn D1; địa chỉ: khu phố C, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2023, quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị H và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị H trình bày:*

Nguồn gốc đất là của ông Trương Văn H4 (cha ông Trương Văn D1, mất năm 1997), ông H4 sử dụng từ năm 1975 đến năm 1987 chính quyền đã vận động các hộ di chuyển lên vùng cao tránh ngập lụt và đã giao cho hộ gia đình ông Trương Văn H4 01 lô đất mới tại vùng cao để làm nhà ở. Sau khi lên vùng cao, gia đình ông H4 vẫn trở về canh tác sử dụng trên thửa đất cũ và trồng cây, sản xuất rau màu. Đến năm 2006, Hợp tác xã P1 thực hiện chủ trương dồn điền

đổi thửa để phân loại đất cho các xã viên canh tác, gia đình không đồng ý nhưng Hợp tác xã vẫn thực hiện san ủi và đưa ra đấu giá đất, gia đình hoàn toàn không biết việc này. Năm 2020, chồng bà H là ông Trương Văn D1 đã rào lại khuôn viên đất do cha của ông để lại và trồng cây. Năm 2022, ông D1 dựng lán trại (lắp ghép) để chăn nuôi thì bị UBND phường Đ lập biên bản vi phạm.

Về hành vi vi phạm: dựng hàng rào bao quanh bằng dây thép gai, trồng nhiều loại cây ăn quả, lắp dựng công trình bằng khung sắt bao quanh, gồm: 06 trụ sắt phi 90, khung, kèo bằng sắt, mái lợp tôn trên đất sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình bà Nguyễn Thị T2, hộ bà Trần Thị T3, hộ ông Trương Đức Đ. Vì vậy, bà H yêu cầu Toà án giải quyết:

- Huỷ Quyết định số 158/QĐ-XPHC ngày 03/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về xử phạt hành chính đối với bà Trần Thị H;

- Huỷ Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Trần Thị H. Vì:

- Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính là không đúng đối tượng.

- Đất là của ông Trương Văn H4 chưa có quyết định thu hồi đất thì Hợp tác xã P1 căn cứ vào đâu để thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa phân lại đất cho các hộ gia đình bà Nguyễn Thị T2, bà Trần Thị T3, ông Trương Đức Đ.

** Tại văn bản số 1619/UBND-PTNMT ngày 27/7/2023 và biên bản làm việc ngày 25/7/2023, người bị kiện - Chủ tịch UBND thành phố Đ trình bày:*

Thửa đất bà Trần Thị H lấn chiếm nguyên trước đây có một phần đất ông Trương Văn H4 sử dụng, ông H4 có tên trong sổ đăng ký ruộng đất năm 1987. Đây là vùng thấp trũng thường xuyên bị ngập lụt. Giai đoạn 1983-1985, Đảng uỷ, UBND xã T có chủ trương di dời các hộ dân lên vùng cao để sinh sống. Đến năm 1991, các hộ đã di chuyển hết lên vùng cao, trong đó có hộ gia đình ông H4 được UBND xã Triệu Lễ bố trí 01 lô đất ở vùng cao và làm nhà ở ổn định (tại khu phố C, phường Đ hiện nay). Năm 1997, ông H4 mất. Từ đó đến nay, ông Trương Văn D1 và bà Trần Thị H sinh sống ổn định tại khu phố C, phường Đ.

Sau khi di dời, năm 1995, thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, HTX P1 đã chia phần đất vườn cũ của các hộ dân (trong đó có đất của ông Trương Văn H4) cho các hộ gia đình thành viên HTX sản xuất nông nghiệp và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình ông D1 cũng được giao đất theo Nghị định 64 ở khu vực này (không trùng lô đất cũ của ông H4).

Năm 2006, thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TU ngày 17/5/2004 của thị uỷ (nay là thành phố) Đông Hà về việc đẩy mạnh công tác “Dồn điền đổi thửa” trong sản

xuất nông nghiệp, trên cơ sở phương án chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp của HTX P1 được U, HTX đã thực hiện san ủi mặt bằng cải tạo đồng ruộng (trong đó có nền và vườn cũ của hộ gia đình ông Trương Văn H4) để tổ chức phân chia hoặc tổ chức đấu cho các hộ dân đối với diện tích xấp xỉ 5. Đến năm 2016, HTX thực hiện công tác dồn điền trên diện tích đất theo Nghị định 64/CP với mục đích chia đều đủ diện tích đất cho bà con sử dụng trồng lúa sau đó bóc xấp xỉ 5 để chia đất cho xã viên, trong đó có diện tích đất bà H lấn, chiếm đã được giao cho các hộ gia đình: bà Nguyễn Thị T2, bà Trần Thị T3, ông Trương Đức Đ để canh tác trồng lúa cho đến thời điểm bà Trần Thị H vào lấn chiếm để trồng cây, dựng hàng rào và lắp ghép các công trình có hành vi vi phạm.

Năm 2020, ông D1 có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND phường Đ có Công văn số 219/UBND-ĐCXD ngày 23/11/2020 trả lời việc ông D1 đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở.

Ngày 24/5/2022, UBND phường Đ phát hiện các thửa đất số 37, 38, 42, 43, thuộc tờ bản đồ số 21 đã được HTX phân chia cho các hộ gia đình canh tác trồng lúa có người đào, đắp đất để trồng cây ăn quả, chưa xác định được người vi phạm.

Ngày 19/11/2022, UBND phường Đ nhận được thông tin các thửa đất nêu trên có người xây dựng công trình bằng khung sắt, nhà lắp ghép, mái lợp tôn; dựng cổng, hàng rào, thép gai bao quanh; trồng cây ăn quả, cây lâu năm. Tại buổi làm việc tại hiện trường có mặt bà Trần Thị H và một số thành viên trong gia đình bà H. Quá trình làm việc bà H chống đối, cản trở cơ quan chức năng đo, vẽ để xác định vi phạm.

Ngày 12/01/2023, UBND phường Đ đã lập Biên bản vi phạm số 01/BB-VPHC đối với hành vi của bà Trần Thị H. Ngày 14/01/2023, bà H có đơn giải trình gửi Chủ tịch UBND thành phố Đ, Chủ tịch UBND phường Đ xác nhận bà là người triển khai xây dựng hàng rào, làm trại chăn giữ, trồng cây.

Hành vi của bà Trần Thị H là lấn, chiếm đất do UBND phường Đ quản lý. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố Đ căn cứ điểm d khoản 3, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 để ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 158/QĐ-XPHC ngày 03/02/2023 đối với bà Trần Thị H là đúng đối tượng, đúng thẩm quyền, đúng trình tự quy định của pháp luật.

Sau đó, bà H khiếu nại Quyết định số 158/QĐ-XPHC ngày 03/02/2023. Chủ tịch UBND thành phố đã thành lập tổ xác minh, tiến hành làm việc với người khiếu nại (bà Trần Thị H) và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố Đ đã tiến hành đối thoại với bà Trần Thị H nhưng không thành. Căn cứ vào biên bản xác minh, Chủ tịch

UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 805/QĐ-UBND ngày 18/5/2023, không chấp nhận khiếu nại của bà H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 158/QĐ-XPHC. Như vậy, việc Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 805/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, nội dung. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

** Tại công văn số 245/UBND-ĐCXĐ ngày 27/7/2023 của UBND phường Đ trình bày:*

Thực hiện chủ trương di dời dân từ vùng thấp trũng thường xuyên bị ngập lụt lên vùng cao, UBND xã T (nay là phường Đ) đã di dời các hộ dân thuộc khu vực xóm dưới làng P lên vùng cao. Tại xóm trên làng P, gia đình ông H4 đã được UBND xã bố trí đất và làm nhà ở tại khu phố C, phường Đ (ông Trương Văn D1 sống cùng nhà với ông Trương Văn H4).

Ngày 10/10/1995, HTX P1 lập phương án giao đất cho các hộ gia đình sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo Nghị định số 64 của Chính phủ, gồm 82 hộ gia đình với 403 nhân khẩu, trong đó 80 hộ gia đình có đất màu được chia tại khu vực xóm dưới, 02 hộ không được chia là hộ ông Trương Công T4, ông Trương Công T5. Tất cả các hộ gia đình đều được cấp Giấy CNQSDĐ nông nghiệp (79 hộ cấp năm 1997; 03 hộ cấp năm 2002). Đất vườn ông Trương Văn H4 được chia cho hộ ông Trương C và ông Trương Văn C1.

Năm 2005 - 2006, thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 16/CT-TU ngày 17/5/2004 của thị ủy Đ1, HTX P1 đã lập phương án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cải tạo ruộng đất, san ủi nền cũ khu vực nền nhà xóm dưới. Tổ chức Hội nghị xã viên thống nhất thực hiện đề án san ủi 30 nền nhà. HTX đã tiến hành san ủi 20/30 nền nhà trong đó có nền cũ của ông Trương Văn H4.

Từ năm 2006 - 2016, HTX P1 tổ chức đấu đất để sản xuất theo hình thức xấp 5, gồm 40 hộ được chia đất, không có tên ông D1 và bà H tham gia đấu đất để sử dụng. Đến năm 2020, HTX P1 điều chỉnh lại xấp 5 từ hộ thừa sang hộ còn thiếu đất.

Ngày 24/5/2022, U1 phát hiện khu vực sản xuất đất nông nghiệp thuộc xứ đồng xóm dưới đã chia cho hộ gia đình bà T2, bà T3, ông Đ có người đã thực hiện việc đào, đắp làm thay đổi bề mặt đất canh tác. Ngày 19/11/2022, phát hiện có người xây dựng trên đất nông nghiệp khu vực xóm dưới, UBND phường phối hợp với các bộ phận chức năng tiến hành kiểm tra việc lắp công trình của bà Trần Thị H. Tại thời điểm kiểm tra có thợ đang tiến hành lắp đặt, có bà H và thành viên hộ gia đình tham gia, bà H khẳng định bà lắp đặt công trình nhưng

không phối hợp. Ngày 12/12/2022, tiến hành đo đạc xác định tổng diện tích hiện trạng bà H đang sử dụng là 2.384,7m², diện tích nhà lắp ghép là 30m². Ngày 16/12/2022, UBND phường cùng các đoàn thể tổ chức làm việc về tình hình sử dụng đất khu vực xóm dưới. Tại buổi làm việc, bà H thừa nhận việc lắp công trình xây dựng, hàng rào, trồng cây trên các thửa đất số 36, 37, 42, 43, tờ bản đồ số 21. Ủy ban nhân dân phường yêu cầu bà H, ông D1 tháo dỡ công trình, di dời cây trồng trả lại mặt bằng trước ngày 25/12/2022 nhưng ông D1 và bà H tự ý bỏ về.

Ngày 12/01/2023, UBND phường đã lập biên bản vi phạm hành chính số 01 đối với bà Trần Thị H với sự chứng kiến của các bên tham gia. Ngày 13/01/2023, UBND phường có văn bản số 08/UBND-ĐCXD kèm hồ sơ liên quan gửi UBND thành phố để xem xét xử lý hành chính theo thẩm quyền. Ngày 14/01/2023, bà Trần Thị H có đơn giải trình. Ngày 03/02/2023, Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định số 158/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị H. Việc lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị H là đúng đối tượng và đúng hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

** Tại đơn trình bày ý kiến ngày 18, 19/7/2023, ông Trương Thanh P, bà Trương Thị H5, bà Trần Thị T3 và HTX P1 trình bày:*

Tháng 10/2016, HTX P1 tổ chức bốc thăm 5 cho các hộ gia đình đảm bảo đủ diện tích đất theo Nghị định số 64, hộ ông Đ được giao diện tích 2.073m², hộ bà T3 được giao 1.460m², hộ bà T2 được giao 713m². Đến tháng 7/2020, được điều chỉnh bằng diện tích được cấp năm 1997, trong đó hộ bà T3 là 1.571m², hộ bà T2 793m², hộ ông Đ 1.127m². Cuối năm 2020, ông D1 và bà H đến rào đất của 03 hộ nhưng 03 hộ vẫn sử dụng đến cuối năm 2021. Đến năm 2022, 2023 các hộ không sản xuất được là do ông D1 và bà H mức đất đắp nền nhà, làm lán trại lắp ghép, trồng cây lâu năm và rào chắn diện tích đất của 03 hộ. Vùng đất này đã được cấp cho 03 hộ gia đình nên việc ông D1 và bà H xây dựng nhà, trồng cây trên đất này là trái quy định của pháp luật. UBND thành phố Đ xử phạt hành chính là đúng quy định. Đề nghị Toà án giải quyết trả lại đất cho các gia đình.

** Tại bản tự khai ngày 28/8/2023, ông Trương Văn D1 trình bày: thống nhất nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HC-ST ngày 26/9/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 57, 68, 70, 78, 85 của Luật Xử lý vi phạm hành chính

năm 2012 (sửa đổi năm 2020); Điều 14, 18, 30, 31 của Luật Khiếu nại năm 2011; điểm b khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022); khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc:

- Huỷ Quyết định số 158/QĐ-XPVPHC ngày 03/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về xử phạt hành chính đối với bà Trần Thị H;
- Huỷ Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2023, người khởi kiện bà Trần Thị H kháng cáo toàn bộ bản án án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, sửa bản án sơ thẩm vì bà cho rằng quyết định xử phạt không đúng đối tượng, đây là đất của ông Trương Văn H4, sau khi lên vùng cao gia đình bà vẫn về canh tác và UBND các cấp không có quyết định thu hồi đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện bà Trần Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Đình H1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị H, sửa bản án sơ thẩm.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện - bà Nguyễn Thị Ái V và bà Phạm Thị Hồng O đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị H; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Trần Thị H với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Ông Trương Văn H4 (là cha của ông Trương Văn D1) sử dụng thửa đất số 294, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.235m² và có tên trong hồ sơ địa chính của xã T (nay là phường Đ) năm 1987. Do đây là vùng thấp trũng, thường xuyên bị ngập lụt nên năm 1989 chính quyền xã T đã di dời các hộ dân lên vùng cao sinh sống, trong đó có hộ ông H4 và hộ ông H4 được UBND xã T bố trí 01 lô đất làm nhà ở ổn định từ đó cho đến nay. Sau khi di dời, đất của các hộ đã sử dụng trước đó (trong đó có hộ gia đình ông H4) do UBND phường Đ quản lý. Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TU ngày 17/5/2004 của thị uỷ Đông H6 về việc “Đồn điền đổi thửa” theo Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ, HTX P1 được giao xây dựng phương án và được cấp có thẩm quyền phê duyệt tiến hành san ủi mặt bằng cải tạo đồng ruộng và đưa ra đấu giá cuối năm 2006. Năm 2007, diện tích đất này được giao cho các xã viên Hợp tác xã canh tác trồng lúa đến năm 2016. Năm 2016, thực hiện bốc thăm (xăm 5) để chia đất cho các hộ gia đình bà Nguyễn Thị T2, bà Trần Thị T3, ông Trương Đức Đ canh tác trồng lúa cho đến nay. Năm 2022, bà H có hành vi rào, trồng cây ăn quả và xây dựng công trình bằng khung sắt trên diện tích đất trồng lúa (0,2408ha) mà 03 hộ này đang canh tác nên ngày 12/01/2023, Ủy ban nhân dân phường Đ lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với bà Trần Thị H. Ngày 14/01/2023, bà H có đơn giải trình gửi Chủ tịch UBND thành phố Đ và Chủ tịch UBND phường Đ, bà thừa nhận bà là người triển khai làm hàng rào, trại chăn giữ, trồng cây. Vì vậy, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 158/QĐ-XPHC ngày 03/02/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà H là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, đúng đối tượng và đúng hành vi vi phạm theo quy định tại các Điều 57, 68, 70, 78, 85 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; điểm d khoản 3 và khoản 5 Điều 14, điểm b khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ.

[1.2] Ngày 22/3/2023, bà Trần Thị H có đơn khiếu nại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 158/QĐ-XPHC ngày 03/02/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Đ. Xét việc bà H đã tự ý tổ chức xây dựng, trồng cây trên đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực đô thị do UBND phường Đ quản lý là hành vi chiếm đất nên Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định về việc giải quyết khiếu nại số 805/QĐ-UBND ngày 18/5/2023, không công nhận đơn khiếu nại của bà H, giữ nguyên Quyết định số

158/QĐ-XPVPHC ngày 03/02/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Đ là có căn cứ.

[2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị H và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HC-ST ngày 26/9/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Áp dụng các Điều 57, 68, 70, 78, 85 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); các Điều 14, 18, 30, 31 của Luật Khiếu nại năm 2011; điểm b khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022); khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc:

- Huỷ Quyết định số 158/QĐ-XPVPHC ngày 03/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về xử phạt hành chính đối với bà Trần Thị H;
- Huỷ Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị H.

2. Về án phí: bà Trần Thị H phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000456 ngày 13/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự; Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên